

Bản án số: **128/2018/HS-PT**
Ngày: 04-6-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Quốc Chiến

Các Thẩm phán: Ông Lê Trọng Hân

Ông Lê Lâm Sơn

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang* tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 88/2018/TLPT-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm 49/2018/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P Q, tỉnh Kiên Giang.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1997, tại: P Q, K G; Nơi cư trú: ấp S L, xã D T, huyện P Q, K G; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 9/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Viết Đ và bà Nguyễn Thị Kim T; Tiền sự, Tiền án: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/09/2017 đến nay.

2. Nguyễn Văn S, sinh ngày 29/7/1999, tại: P Q, K G; Nơi cư trú: khu phố 7, thị trấn A T, huyện P Q, K G; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 5/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông Trần Thanh D và bà Nguyễn Thị Thu N; Tiền sự, Tiền án: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/09/2017 đến nay.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T và bị cáo Nguyễn Văn S:

Luật sư **Phạm Văn Cần** - Văn phòng luật sư Phạm Văn Cần thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 0 giờ 30 phút, ngày 20/9/2017, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn S, Nguyễn Kỳ A, Nguyễn Hải Q và Nguyễn Văn T gặp nhau tại khu vực bãi biển thuộc ấp Đường Bào, xã D T, huyện P Q. Do không có tiền tiêu xài nên cả nhóm rủ nhau đi cướp tài sản, với thủ đoạn là chạy xe mô tô trên tuyến đường Cửa Lấp, xã D T đi A T, P Q chặn người đi đường và dùng hung khí không chế để chiếm đoạt tài sản. Cả nhóm đã thực hiện 03 vụ cướp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào 22 giờ ngày 19/9/2017, T, S, A, Q, T và một số người bạn uống rượu tại khu vực bãi biển ấp Đường B, xã D T, P Q. Đến khoảng 0 giờ 30 phút ngày 20/9/2017, cả nhóm nghỉ uống đi về. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người đi đường, T rủ S, T, Q và A cùng thực hiện thì tất cả đồng ý. T chở A về nhà của T ở khu phố 7, thị trấn An Thới lấy 02 cây dao tự chế (mã tấu) để làm hung khí. Lấy xong, cả hai quay lại gặp Trường, Quang và Sơn. Anh cầm 01 cây dao và đưa cho Q cầm 02 cây. T điều khiển xe mô tô, biển số 68P1-13887 (T mượn của cha ruột) chở Q và S. T chạy xe biển số 68P1-33859 (xe Anh mượn của cha ruột) chở A chạy hướng đến Cửa Lấp theo tuyến đường An Thới – Cửa Lấp, khi đến đoạn đường thuộc ấp Suối Lớn – Dương Tơ thì gặp anh Nguyễn Ngọc M đang chạy xe mô tô biển số 68P6-8244. T chạy vượt lên ép xe anh M vào lề đường, T chạy xe đến chặn phía sau. A bước xuống xe dùng dao không chế, Q một tay cầm dao và một tay lục soát lấy được 350.000 đồng.

Vụ thứ hai: Ngay sau khi thực hiện vụ cướp thứ nhất, T chạy xe chở A và T, Sơn chạy xe chở Q tiếp tục chạy hướng Cửa Lấp – Dương Tơ. Khi chạy được

khoảng 400m, thì nhìn thấy anh Phạm Văn T chạy xe mô tô biển số 68S4-4845, Sơn đuổi theo và ép xe anh T vào lề đường, T chạy đến chặn phía sau xe anh T; T, T, S đứng bao vây; A cầm dao khống chế, Q một tay cầm dao và một tay lục soát người anh T lấy được một điện thoại di động Samsung Galaxy G530, đưa cho T giữ.

Vụ thứ ba: Đến khoảng 2 giờ 30 phút cùng ngày, cả nhóm chạy đến đoạn đường thuộc trường tiểu học Dương Tơ 2 (điểm áp Đường Bào), nhìn thấy anh Nguyễn Trọng L chạy xe mô tô, biển số 68P1-35785 chở chị Phạm Thị Kiều M chạy từ hướng Dương Tơ về An Thới. T chạy xe chở A và T đuổi theo, S chở Q chạy phía sau. Phát hiện có người đuổi theo, anh L tăng ga bỏ chạy về thị trấn An Thới, chạy được một đoạn thì bị ngã, anh L chạy bộ được một đoạn nữa thì A cầm dao, T cầm dao cán vàng (T lấy dao trong sòng nhậu mà cả nhóm nhậu trước đó), đuổi kịp khống chế chiếm đoạt của anh Lịch 01 điện thoại di động Iphone 6S và 1.250.000 đồng. Q chiếm đoạt của chị Mi 01 điện thoại di động Iphone 6Plus. Sau đó, cả nhóm đi đến khu vực bãi biển Dương Xanh thuộc ấp Đường Bào, xã Dương Tơ chia nhau tài sản, mỗi người được 320.000 đồng. Chia tiền xong, T giữ 02 cái điện thoại di động Iphone, S giữ điện thoại di động Samsung, T mang 02 cây dao về cất dấu. Khoảng 13 giờ cùng ngày, T và Q mang điện thoại di động Iphone 6S bán cho anh Võ Văn H được 3.000.000 đồng, mang điện thoại di động Iphone 6Plus bán cho anh Nguyễn Anh T được 4.300.000 đồng (H và T không biết tài sản do cướp mà có). T đưa cho Q 350.000 đồng và tiêu xài hết 450.000 đồng, còn lại 6.500.000 đồng. Đến tối ngày 20/9/2017, T, Q, A bị bắt giữ; sau đó T và S đến cơ quan điều tra đầu thú.

Vật chứng thu giữ:

- Tiền Việt Nam: 6.500.000 đồng;
- 01 ĐTDD Iphone 6Plus, 16G, màu vàng, số IMEL 359249068672815;
- 01 ĐTDD Samsung Galasy G530, màu vàng, số IMEL 3596580697535;
- 01 xe mô tô và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 68P1-33859;
- 01 xe mô tô biển số 68P1-13887;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, 16GB, số IMEL 3532690797707175;

Tất cả tài sản trên đã trả cho chủ sở hữu.

- 01 cây dao Thái Lan, dài 21cm, cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 11,5cm, đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận về giá trị tài sản trong tố tụng hình sự số 71/KL-HĐĐG, ngày 30/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện P Q kết luận:

- 01 ĐTDĐ Iphone 6Plus, 16G, màu vàng, số IMEL 359249068672815, giá trị 6.500.000 đồng;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, 16GB, số IMEL 3532690797707175; giá trị 6.500.000 đồng;

- 01 ĐTDĐ Samsung Galasy G530, màu vàng, số IMEL 3596580697535; giá trị 700.000 đồng;

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 49/2018/HSST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện P Q, tỉnh K G đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn S, Nguyễn Kỳ A, Nguyễn Hải Q, Nguyễn Văn T** phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1 và 2 Điều 46; điểm g, n khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: **Nguyễn Ngọc T** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 21/9/2017).

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 và 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: **Nguyễn Văn S** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 21/9/2017).

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 và 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: **Nguyễn Kỳ A** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 21/9/2017).

Xử phạt: **Nguyễn Hải Q** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 21/9/2017).

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 và 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: **Nguyễn Văn T** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 21/9/2017).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/4/2018, các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hải Q và Nguyễn Kỳ A có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 16/5/2018 các bị cáo Nguyễn Kỳ A, Nguyễn Hải Q và Nguyễn Văn T đã có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo trước khi mở phiên toàn. Đến ngày 17/5/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang ra thông báo về việc rút kháng cáo của các bị cáo, như vậy bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo Nguyễn Kỳ , Nguyễn Hải Q và Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P Q, tỉnh Kiên Giang đã xét xử các bị cáo về tội “Cướp tài sản” là đúng tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

Quan điểm của luật sư: Luật sư có quan điểm, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, tài sản các bị cáo phạm tội không lớn, sau khi xét xử các bị cáo tác động gia đình bồi thường cho các bị hại. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm mức án cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Văn S đã đúng qui định về người có quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo theo Bộ luật Tố tụng Hình sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về Quyết định của Bản án sơ thẩm:

Vào khoảng 0 giờ 30 phút ngày 20/9/2017, Nguyễn Ngọc Trường có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác nên rủ Nguyễn Văn S, Nguyễn Kỳ A, Nguyễn Hải Q và Nguyễn Văn T dùng dao tự chế và xe mô tô chặn người đi đường để cướp tài sản. Trong thời gian từ 0 giờ 30 phút đến 02 giờ 30 phút ngày 20/9/2017 các bị cáo đã cùng nhau dùng dao tự chế và dao cán vàng thực hiện 03 vụ cướp tài sản, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 15.300.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”. Do đó án sơ thẩm đã áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử các bị cáo về tội “Cướp tài sản” là có căn cứ và đúng qui định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là quá táo bạo, liều lĩnh, có sự chuẩn bị hung khí, phương tiện; khi gặp người bị hại thì dùng dao tự chế uy hiếp, không chế, đe dọa, rất may là không có sự nguy hiểm đến sức khỏe và tính mạng của các bị hại. Do đó án sơ thẩm đã quyết định mức hình phạt cho bị cáo T 07 năm 06 tháng tù, bị cáo S 07 năm tù là đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và luật sư bào chữa cho các bị cáo mà chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên:

Vị đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử đã thảo luận và thấy rằng các Quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và mức hình phạt cho các bị cáo T và bị cáo S là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên. Các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm số 49/2018/HS-ST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện P Q, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, không bị kháng nghị đề nghị giữ nguyên.

[5] Về điều khoản áp dụng:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và thực hiện quy định tại điểm b khoản 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội khóa XIV về việc thi hành Bộ luật hình sự số: 100/2015/QH13 theo nguyên tắc áp dụng những quy định có lợi cho người phạm tội, nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các điều khoản của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự
Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

2. Xử phạt: **Nguyễn Ngọc T** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 21/9/2017).

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 và 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: **Nguyễn Văn S** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 21/9/2017).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 49/2018/HS-ST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện P Q, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh KG;
- Sở tư pháp tỉnh KG;
- Trại tạm giam – CA tỉnh KG;
- Bị cáo;
- TAND huyện Phú Quốc;
- VKSND huyện Phú Quốc;
- Chỉ cục THADS huyện Phú Quốc;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Quốc Chiến